

B. HẠ TẦNG NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Ghi chú
I	Dự án đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp		
1	Trạm cấp nước Chòi Mòi, huyện Tân Hồng	Đảm bảo mục tiêu cấp nước sạch nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia đã đề ra ứng với từng giai đoạn	Nâng cấp, mở rộng
2	Trạm cấp nước Tân Hưng - Tân Huê, huyện Thanh Bình		Nâng cấp, mở rộng
3	Trạm cấp nước Tân Hòa, huyện Thanh Bình		Nâng cấp, mở rộng
4	Trạm cấp nước Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh		Xây dựng mới
II	Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn		
1	Trạm cấp nước Tân Kiều, huyện Tháp Mười	Đảm bảo mục tiêu cấp nước sạch nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia đã đề ra ứng với từng giai đoạn	Xây dựng mới
2	Trạm cấp nước Hưng Thạnh - Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười		Xây dựng mới
3	Trạm cấp nước Gáo Giồng - Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh		Xây dựng mới
4	Công trình tuyến ống cấp nước truyền tải Phú Hiệp, huyện Tam Nông		Xây dựng mới
5	Trạm cấp nước Cà Vàng huyện Tân Hồng		Nâng cấp, mở rộng
III	Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước tại các huyện, thành phố	Đảm bảo mục tiêu cấp nước sạch nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia đã đề ra ứng với từng giai đoạn	Xây dựng mới

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình cấp nước phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của

địa phương. Các nhà máy, trạm cấp nước nông thôn thực hiện theo quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Quy mô, công suất của các nhà máy nước, trạm cấp nước có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phụ lục XIV
DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC
KHU VỰC ĐÔ THỊ TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KÌ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình xử lý nước thải	Công suất dự kiến (m ³ /ngày đêm)	Địa điểm
1	Trạm xử lý nước thải thành phố Cao Lãnh	55.600	Thành phố Cao Lãnh
2	Trạm xử lý nước thải thành phố Sa Đéc	31.700	Thành phố Sa Đéc
3	Trạm xử lý nước thải thành phố Hồng Ngự	30.200	Thành phố Hồng Ngự
4	Trạm xử lý nước thải thị trấn Sa Rài	10.000	Huyện Tân Hồng
5	Trạm xử lý nước thải cửa khẩu Dinh Bà	4.500	Huyện Tân Hồng
6	Trạm xử lý nước thải thị trấn Thường Thới Tiền	2.500	Huyện Hồng Ngự
7	Trạm xử lý nước thải Thường Phước	1.500	Huyện Hồng Ngự
8	Trạm xử lý nước thải thị trấn Tràm Chim	15.000	Huyện Tam Nông
9	Trạm xử lý nước thải đô thị An Long	5.000	Huyện Tam Nông
10	Trạm xử lý nước thải thị trấn Thanh Bình	4.500	Huyện Thanh Bình
11	Trạm xử lý nước thải thị trấn Mỹ An	12.200	Huyện Tháp Mười
12	Trạm xử lý nước thải đô thị Trường Xuân	6.500	Huyện Tháp Mười
13	Trạm xử lý nước thải đô thị Mỹ Hiệp	1.500	Huyện Cao Lãnh
14	Trạm xử lý nước thải thị trấn Mỹ Thọ	5.400	Huyện Cao Lãnh
15	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Lấp Vò	15.000	Huyện Lấp Vò
16	Trạm xử lý nước thải thị trấn Lai Vung	4.500	Huyện Lai Vung
17	Trạm xử lý nước thải thị trấn Cái Tàu Hạ	15.000	Huyện Châu Thành

Ghi chú:

- Các công trình thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

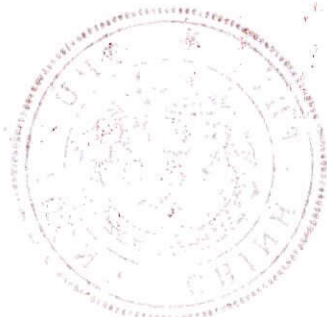


Phụ lục XV
DANH MỤC DỰ KIẾN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Nội dung quy hoạch	Dự kiến quy mô
1	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, thành phố Hồng Ngự	Đầu tư mới	400 tấn/ngày
2	Khu xử lý Đập Đá, huyện Cao Lãnh	Nâng cấp, cải tạo	500 tấn/ngày
3	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc khu chôn lấp hợp vệ sinh cho các xã cù lao tại huyện Thanh Bình và huyện Hồng Ngự	Đầu tư mới	Lò đốt 350 kg/giờ

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu, tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XVI
DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH NGHĨA TRANG,
CƠ SỞ HỎA TÁNG TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm
I	Cơ sở dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Nghĩa trang Quảng Khánh	Thành phố Cao Lãnh
2	Nghĩa trang Tân Phú Đông	Thành phố Sa Đéc
3	Nghĩa trang Bình Thạnh	Thành phố Hồng Ngự
4	Nghĩa trang Tân Công Chí	Huyện Tân Hồng
II	Cơ sở xây dựng mới	
1	Nghĩa trang Thường Thới Tiền	Huyện Hồng Ngự
2	Nghĩa trang Phú Thọ	Huyện Tam Nông
3	Nghĩa trang Mỹ An	Huyện Tháp Mười
4	Nghĩa trang Mỹ Thọ	Huyện Cao Lãnh
5	Nghĩa trang Tân Phú	Huyện Thanh Bình
6	Nghĩa trang Vĩnh Thạnh	Huyện Lấp Vò
7	Nghĩa trang Tân Phước	Huyện Lai Vung
8	Nghĩa trang An Nhơn	Huyện Châu Thành

Ghi chú:

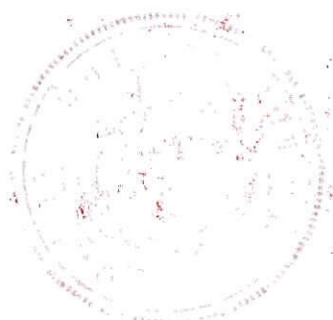
- Các công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch vùng huyện, kế hoạch có liên quan.
- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



Phụ lục XVII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm dự kiến
I	Cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Trường Trung học phổ thông Kiến Văn	Huyện Cao Lãnh
2	Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
3	Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Quang Diêu	Thành phố Cao Lãnh
4	Các trường Trung học phổ thông trong tỉnh	Các huyện, thành phố
II	Cơ sở giáo dục xây dựng mới	
1	Làng đại học tỉnh Đồng Tháp	Các huyện, thành phố
2	Trường phổ thông tư thục nhiều cấp học đào tạo theo chuẩn quốc tế	Các huyện, thành phố
3	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập	Thành phố Sa Đéc
4	Trường Trung học phổ thông thành phố Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự

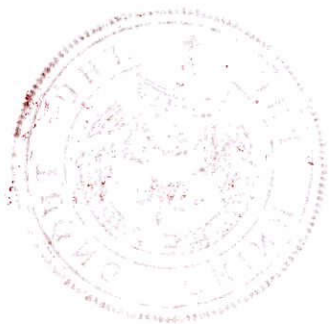
Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XVIII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ Y TẾ XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TÀM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Cơ sở dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
3	Bệnh viện đa khoa Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
4	Bệnh viện đa khoa Tháp Mười	Huyện Tháp Mười
5	Bệnh viện y học cổ truyền	Thành phố Cao Lãnh
6	Bệnh viện phục hồi chức năng	Thành phố Cao Lãnh
7	Bệnh viện Phổi	Huyện Cao Lãnh
8	Bệnh viện Quân dân y	Thành phố Cao Lãnh
9	Bệnh viện Tâm thần	Huyện Cao Lãnh
10	Bệnh viện Da liễu	Thành phố Cao Lãnh
11	Phòng khám đa khoa Quân dân Y Thường Phước	Huyện Hồng Ngự
12	Phòng khám đa khoa Quân dân Y Dinh Bà	Huyện Tân Hồng
13	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Thành phố Cao Lãnh
14	Trung tâm Kiểm nghiệm	Thành phố Cao Lãnh
15	Trung tâm Pháp Y	Thành phố Cao Lãnh
16	Trung tâm giám định Y khoa	Thành phố Cao Lãnh
17	Các trung tâm y tế huyện	Các huyện, thành phố
II	Cơ sở xây dựng mới	
1	Bệnh viện sản nhi	Thành phố Cao Lãnh
2	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	Thành phố Cao Lãnh
3	Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
4	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư; bảo đảm phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia và tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với các trung tâm y tế vừa thực hiện chức năng khám chữa bệnh vừa thực hiện nhiệm vụ dự phòng: khi đảm bảo các tiêu chí xếp hạng II trở lên có thể xem xét tách riêng thành bệnh viện thực hiện chức năng khám chữa bệnh và trung tâm y tế dự phòng.



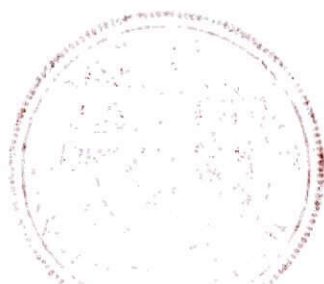
Phụ lục XIX
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Địa điểm dự kiến
I	Công trình dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
3	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
4	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp (giai đoạn 2)	Thành phố Cao Lãnh
5	Trường Trung cấp Tháp Mười	Huyện Tháp Mười
6	Trường Trung cấp Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
II	Công trình xây dựng mới	
	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực	Các huyện, thành phố

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.



Phụ lục XX
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ VĂN HÓA, CƠ SỞ THỂ DỤC,
THỂ THAO XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

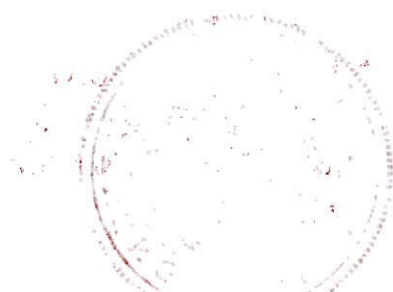
I. CƠ SỞ VĂN HÓA

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo và nâng cấp	
1	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
2	Khu Di tích Nguyễn Sinh Sắc	Thành phố Cao Lãnh
3	Khu Di tích Xẻo Quýt	Huyện Cao Lãnh
4	Khu Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp	Huyện Tháp Mười
5	Thư viện tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
6	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
7	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	Huyện Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
	Bảo tàng Đồng Tháp Mười	Huyện Tháp Mười

II. CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình nâng cấp và cải tạo	
1	Trường phổ thông năng khiếu, huấn luyện và thi đấu thể thao Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Sân vận động tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
1	Khu công viên nước, hồ bơi, nhà thi đấu đa năng thuộc Khu liên hợp thể dục thể thao Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Trung tâm bóng đá trẻ	Thành phố Cao Lãnh
3	Học viện đá cầu thế giới	Thành phố Cao Lãnh
4	Trung tâm thể thao dưới nước	Thành phố Cao Lãnh
5	Trung tâm thể dục aerobic gắn với thể thao học đường	Thành phố Cao Lãnh

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XXI
DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CHỢ HẠNG I, CHỢ ĐẦU MỐI

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo, nâng cấp	
	Chợ hạng I	
1	Chợ Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
2	Chợ Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
3	Chợ Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
4	Chợ Mỹ Thợ	Huyện Cao Lãnh
5	Chợ Mỹ An	Huyện Tháp Mười
6	Chợ Cái Tàu Hạ	Huyện Châu Thành
	Chợ đầu mối	
1	Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh
2	Chợ Mỹ Trà	Thành phố Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm đầu mối nông sản và thủy sản nước ngọt vùng Đồng Tháp Mười	
2	Chợ đầu mối hoa kiểng Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
3	Trung tâm thương mại	Thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự, huyện Tân Hồng, huyện Hồng Ngự
4	Siêu thị tổng hợp	Các huyện, thành phố

II. KHO DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐÓT

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo, nâng cấp	
	Kho quy mô trên 5.000 m³	
	Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn	Thành phố Cao Lãnh

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	Kho quy mô dưới 5.000 m³	
	Kho xăng dầu Trường Xuân	Huyện Tháp Mười
II	Công trình xây dựng mới	
1	Tổng kho dự trữ xăng dầu	Tại địa bàn phía sông Hậu
2	Tổng kho dự trữ xăng dầu	Tại địa bàn phía sông Tiền

III. TRUNG TÂM LOGISTICS

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình hiện có	
II	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm logistics Cái Tàu Hạ - Nha Môn	Huyện Châu Thành
2	Trung tâm logistics chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh
3	Kho chứa hàng hóa - logistics; kho ngoại quan, công nghiệp dự trữ cửa khẩu quốc tế Dinh Bà	Huyện Tân Hồng
4	Kho - logistics Cửa khẩu quốc tế Thường Phước	Huyện Hồng Ngự
5	Kho ngoại quan cửa khẩu Mộc Rá	Thành phố Hồng Ngự
6	Kho thương mại	Thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự

Ghi chú:

- Quy hoạch hạ tầng kho xăng dầu, khí đốt của tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch, kế hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các công trình, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư sẽ được xác định, tính toán chính xác trong quá trình lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục XXII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI CÔNG LẬP
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo, nâng cấp	
	Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm điều dưỡng người có công (giai đoạn 2)	Thành phố Cao Lãnh
2	Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh
3	Các trung tâm bảo trợ xã hội	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XXIII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NÂNG CẤP, CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG MỚI, TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Cơ sở dự kiến nâng cấp, cải tạo	
	Trung tâm kiểm định và kiểm nghiệm Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
II	Cơ sở xây dựng mới	
1	Không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
2	Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (phục vụ chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ công nghệ cao phục vụ nông nghiệp)	Các huyện, thành phố
3	Trung tâm Bảo tồn và Phát triển các nguồn gen động vật, thực vật tỉnh Đồng Tháp	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XXIV
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) - (4)	(7)
I	Tổng diện tích tự nhiên		338.228	338.228	0	338.228
1	Đất nông nghiệp	NNP	277.049	268.438	-8.611	268.438
1.1	Đất trồng lúa	LUA	195.279	189.612	-5.667	189.612
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	195.279	189.612	-5.667	189.612
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	48.174			45.238
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	47	47	0	47
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.313	7.313	0	7.313
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	3.732	2.796	-936	2.796
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	61.179	69.790	8.611	69.790
2.1	Đất quốc phòng	CQP	500	545	45	545
2.2	Đất an ninh	CAN	884	1.115	231	945*
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	399	1.266	867	1.266
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	380			1.138
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	229			1.296

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	635			1.017
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1			1
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	22.216	24.789	2.573	24.789
-	Đất giao thông	DGT	8.819	11.446	2.627	11.446
-	Đất thủy lợi	DTL	11.463			10.392
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	94	202	108	202
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	91	139	48	139
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	634	1.004	370	1.004
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	90	183	93	183
-	Đất công trình năng lượng	DNL	51	177	126	177
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	8	10	2	10
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		6	6	6
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	197			211
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	194			256
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	384	395	11	395
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	71	187	116	187

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				38
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				134
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	13.424			14.434
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	2.161			3.652
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	239			289
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	20			28
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0			0
3	Đất chưa sử dụng	CSD				
II	Khu chức năng					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN				
2	Đất khu kinh tế	KKT		31.936		31.936
3	Đất đô thị	KDT		26.008		26.008
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN				234.959
5	Khu lâm nghiệp	KLN				10.156
6	Khu du lịch	KDL				2.402
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT				7.313
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC				2.404
9	Khu đô thị	DTC				26.008

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM				1.296
11	Khu dân cư nông thôn	DNT				15.575

Ghi chú:

- Việc triển khai khoanh vùng và sử dụng đất các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

(*) Cập nhật theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phụ lục XXV
DANH MỤC DỰ KIẾN KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Địa điểm quy hoạch	Số lượng khu		
		Tổng số	Hiện trạng	Bổ sung
I	Khoáng sản cát lòng sông	18	18	0
1	Vùng sông Tiền (từ khối tài nguyên 1 - 333 đến 15 - 333)	15	15	0
2	Vùng sông Hậu (từ khối tài nguyên 16 - 333 đến 18 - 333)	3	3	0
II	Khoáng sản sét	31	31	0
III	Khoáng sản than bùn	5	5	0
IV	Khoáng sản đất san lấp	39	39	Trong giai đoạn thực hiện Quy hoạch tỉnh, tùy vào điều kiện và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để chủ động cung ứng vật liệu đất san lấp, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát các quy định có liên quan kịp thời bổ sung thêm và đưa vào khai thác phục vụ công trình. Đảm bảo phù hợp với pháp luật về đất đai
1	Huyện Tam Nông	3	3	
2	Huyện Hồng Ngự	4	4	
3	Huyện Thanh Bình	5	5	
4	Huyện Lai Vung	4	4	
5	Huyện Tân Hồng	6	6	
6	Thành phố Hồng Ngự	2	2	
7	Thành phố Sa Đéc	1	1	
8	Huyện Lấp Vò	10	10	
9	Huyện Tháp Mười	4	4	
10	Huyện Cao Lãnh	0	0	
11	Thành phố Cao Lãnh	0	0	
12	Huyện Châu Thành	0	0	
V	Đất san lấp tận thu từ dự án hồ thủy lợi đa mục tiêu	4	4	
1	Huyện Tam Nông	1	1	0
2	Huyện Hồng Ngự	2	2	0
3	Huyện Cao Lãnh	1	1	0

TT	Địa điểm quy hoạch	Số lượng khu		
		Tổng số	Hiện trạng	Bổ sung
VI	Khoáng sản thu hồi từ các dự án nạo vét bãi bồi, cồn nổi trên địa bàn tỉnh	4	4	Ngoài các bãi bồi, cồn nổi nêu trên, trên địa bàn tỉnh còn có một số bãi bồi, cồn nổi khác có thể xem xét đưa vào nạo vét để kịp thời bổ sung vật liệu san lấp các công trình trọng điểm của tỉnh, của trung ương và các công trình dân sinh
1	Nạo vét cồn Đông Giang	1	1	
2	Nạo vét cồn Linh	1	1	
3	Nạo vét cồn Long Tả	1	1	
4	Nạo vét cồn Long Khánh	1	1	
VII	Đối với khoáng sản thu hồi từ dự án nạo vét thông luồng đường thủy			Các khu vực nạo vét do Sở Giao thông vận tải đề xuất sau khi thống nhất với địa phương và cơ quan quản lý đường thủy

Ghi chú:

- Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác cát và khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030 phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản bảo đảm không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Các khu vực thăm dò, khai thác cát xây dựng, san lấp bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, sẽ căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.

Phụ lục XXVI
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
I	GIAO THÔNG VẬN TẢI	
	Giao thông đường bộ	
1	Đầu tư xây dựng mới các tuyến cao tốc ¹ : - Cao tốc Bắc - Nam phía Tây: đoạn Tân Thạnh (Long An) - Mỹ An (Đồng Tháp), Mỹ An - nút giao An Bình, riêng đoạn nút giao An Bình - Lộ Tẻ (Cần Thơ) được nâng cấp từ tuyến quốc lộ hiện trạng. - Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ). - Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh.	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư xây dựng mới quốc lộ N1 qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp và cầu Tân Châu - Hồng Ngự. ¹	Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng
3	Dự án phát triển mạng lưới giao thông vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, tỉnh Đồng Tháp (cầu Sa Đéc bắc qua sông Tiền kết nối cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh).	Các huyện, thành phố
4	Đầu tư xây dựng, nâng cấp quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự - Dinh Bà; nâng cấp hệ thống cầu có tải trọng thấp trên quốc lộ 80. ¹	Các huyện, thành phố
5	Đầu tư nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện hữu liên kết với các tỉnh trong vùng thành các tuyến quốc lộ. ¹	Các huyện, thành phố
6	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường tỉnh.	Các huyện, thành phố
7	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường thuộc các khu chức năng.	Các huyện, thành phố
8	Đầu tư xây dựng mới dự án hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, thành phố Sa Đéc
9	Đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống bến xe trên địa bàn tỉnh.	Thành phố Sa Đéc, huyện Hồng Ngự, huyện Tháp Mười
10	Phát triển hệ thống kho vận, kho nông sản kết hợp với cảng, logistics.	Các huyện, thành phố
11	Các công trình hạ tầng giao thông khác khi có nhu cầu.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
	Giao thông đường thủy	
1	Nạo vét luồng sông Tiền và sông Hậu và các tuyến sông, kênh trung ương quản lý qua địa bàn tỉnh. Đầu tư nâng cấp kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiền.	Các huyện, thành phố
2	Nạo vét thông luồng các tuyến đường thủy nội địa do tỉnh quản lý.	Các huyện, thành phố
3	Đầu tư xây dựng cảng biển, khu bến trên sông Tiền (Cao Lãnh, Sa Đéc, Thường Phước), sông Hậu (Lấp Vò).	Thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, huyện Hồng Ngự, huyện Lấp Vò
4	Đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa và cảng, bến hành khách khác theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Các huyện, thành phố
5	Xây dựng mới các bến phà, bến khách ngang sông kết nối giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.	Các huyện, thành phố
II	NÔNG - LÂM - THỦY SẢN	
1	Phát triển trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị, tập trung khai thác lợi thế vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt. ²	Thành phố Cao Lãnh và các địa phương có tiềm năng
2	Dự án Trại nhân giống vật nuôi chất lượng cao đồng bằng sông Cửu Long.	Các huyện, thành phố
3	Dự án Liên kết sản xuất cá tra giống chất lượng cao tỉnh Đồng Tháp.	Các huyện, thành phố
4	Phát triển vùng cơ giới hoá nông nghiệp kết hợp với nông nghiệp thông minh và ứng dụng tiến bộ khoa học trong xây dựng chuỗi giá trị hàng hoá nông nghiệp.	Các huyện, thành phố
5	Phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi tập trung nông, thủy sản chủ lực.	Các huyện, thành phố
6	Phát triển các tiểu khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Các huyện, thành phố
7	Phát triển chuỗi giá trị hàng hóa nông nghiệp gắn với các ứng dụng thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc hàng hóa.	Các huyện, thành phố
8	Trung tâm Logistics và mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Cao Lãnh
9	Nhà máy chế biến rau quả, chế biến nông sản nước ngọt của vùng.	Huyện Cao Lãnh
10	Đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
III	CÔNG NGHIỆP	
1	Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp kết hợp với di dời cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và kiểm soát phát thải.	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn.	Các huyện, thành phố
IV	THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DU LỊCH	
1	Phát triển trung tâm thương mại tại các đô thị.	Các huyện, thành phố
2	Xây dựng, phát triển hệ thống kho hàng, trung tâm logistics; các chợ đầu mối, chợ chuyên doanh.	Các huyện, thành phố
3	Phát triển cơ sở hạ tầng các điểm, khu du lịch tạo điều kiện mở mới các tuyến du lịch trong tỉnh và liên kết ngoài tỉnh.	Các huyện, thành phố
4	Các dự án kho bãi hàng hóa (kho chứa hàng hóa - logistics, kho ngoại quan,...), hạ tầng thương mại (trung tâm thương mại, siêu thị, chợ) tại Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp. ³	Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng
5	Kêu gọi đầu tư các dự án du lịch, nghỉ dưỡng ở những nơi có điều kiện thuận lợi.	Các huyện, thành phố
V	VĂN HÓA - THỂ DỤC THỂ THAO	
1	Xây dựng nhà bảo tàng Đồng Tháp Mười, Đồng Tháp. ²	Huyện Tháp Mười
2	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc.	Thành phố Cao Lãnh
3	Tôn tạo và phát huy Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp trở thành di sản văn hóa thế giới.	Huyện Tháp Mười
4	Tôn tạo và phát huy Danh thắng Vườn Quốc gia Tràm Chim (khu vực Ramsar).	Huyện Tam Nông
5	Xây dựng Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
6	Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng các thiết chế văn hoá các cấp.	Các huyện, thành phố
7	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.	Các huyện, thành phố
8	Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng các thiết chế thể thao các cấp.	Các huyện, thành phố
VI	Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN	
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp bệnh viện đa khoa vùng tại Đồng Tháp. ²	Thành phố Cao Lãnh
2	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị các bệnh viện tuyến tỉnh đạt chuẩn hạng II.	Các huyện, thành phố
3	Bệnh viện Sản nhi Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
4	Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
VII	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	
1	Nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng trở thành trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực.	Thành phố Cao Lãnh
2	Nâng cấp mở rộng các công trình, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị thuộc các trường học trên địa bàn tỉnh.	Các huyện, thành phố
3	Xã hội hóa cơ sở giáo dục các cấp, đại học ở các đô thị có điều kiện thuận lợi.	Các huyện, thành phố
4	Trường phổ thông tư thực nhiều cấp học đào tạo theo chuẩn quốc tế.	Các huyện, thành phố
VIII	LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
1	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Cao Lãnh
2	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Cao Lãnh
3	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp (giai đoạn 2).	Thành phố Cao Lãnh
4	Trường trung cấp Tháp Mười.	Huyện Tháp Mười
5	Trường trung cấp Hồng Ngự.	Thành phố Hồng Ngự
6	Nâng cấp, mở rộng trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
7	Trung tâm điều dưỡng người có công (giai đoạn 2).	Thành phố Cao Lãnh
8	Các trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp.	Các huyện, thành phố
IX	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	
1	Đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ.	Các huyện, thành phố
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm kiểm định - kiểm nghiệm tỉnh Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
X	QUỐC PHÒNG, AN NINH	
1	Đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.	Các huyện, thành phố
2	Các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.	Các huyện, thành phố
XI	HẠ TẦNG THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
	Hạ tầng thủy lợi	
1	Cải tạo và nâng cấp kênh Tân Thành - Lò Gạch	
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển vùng cây ăn trái Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp	
3	Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước tập trung.	Các huyện: Tháp Mười, Cao Lãnh, Tân Hồng, Tam Nông
4	Đầu tư nâng cấp kênh Muong Khai - Đốc Phủ Hiền.	Thành phố Sa Đéc, các huyện: Châu Thành, Lai Vung

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
5	Cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình chuyển nước từ sông Tiền qua sông Hậu gồm: Kênh Nha Môn Tư Tả, Kênh Muong Khai Đốc Phủ Hiền, Kênh Xã Trầu - Sóc Tro, Kênh xáng Sa Đéc - Lấp Vò.	Các huyện, thành phố
6	Hoàn thiện hệ thống đê bao (cổng, trạm bơm,...) kiểm soát lũ tháng 8, kiểm soát lũ chủ động, kiểm soát lũ triệt để.	Các huyện, thành phố
7	Xây dựng và nâng cấp các trạm bơm điện theo hướng ô bao lớn và điện 3 pha.	Các huyện, thành phố
8	Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới đập dâng thủy lợi.	Các huyện, thành phố
9	Kiên cố, cứng hóa các tuyến kênh sau trạm bơm.	Các huyện, thành phố
10	Mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính.	Các huyện, thành phố
11	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh trục có tính chất liên vùng.	Các huyện, thành phố
12	Xây dựng các hồ chứa nước ngọt nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước.	Các huyện, thành phố
	Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng chống chịu với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long - tỉnh Đồng Tháp.	Các huyện, thành phố phía Bắc sông Tiền
2	Xây dựng hệ thống kiểm soát lũ và điều tiết nguồn nước tại vùng Đồng Tháp Mười, cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình thoát lũ ra sông Tiền.	Các huyện, thành phố
3	Kè hóa, xử lý chống sạt lở bờ sông Tiền, khu vực các đô thị, các khu dân cư tập trung và các khu vực xung yếu khác.	Các huyện, thành phố
4	Đầu tư các trạm quan trắc nước mặt; quan trắc không khí; quan trắc nước biển tự động, liên tục.	Các huyện, thành phố
XII	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG	
1	Phát triển, mở rộng nền tảng số, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nâng cao hiệu quả phục vụ của chính quyền số; phát triển, nâng cấp hạ tầng chính quyền số; đảm bảo an toàn an ninh thông tin.	Các huyện, thành phố
2	Xây dựng đô thị thông minh, ưu tiên các lĩnh vực chuyển đổi số.	Thành phố: Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự
3	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cho các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình và công tác quản lý lĩnh vực báo chí, truyền thông; đầu tư hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ truyền thông quảng bá; chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại của tỉnh.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
XIII	ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN	
1	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư tập trung.	Các huyện, thành phố
2	Phát triển các khu phức hợp đô thị, khu dân cư mới, khu dịch vụ du lịch.	Các huyện, thành phố
3	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị - nông thôn: đường giao thông; cầu; kè; hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, chất thải; nhà tang lễ, hỏa táng; nghĩa trang nhân dân, điện chiếu sáng, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.	Các huyện, thành phố
XIV	MÔI TRƯỜNG	
1	Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và Vườn quốc gia Tràm Chim.	Huyện Tam Nông
2	Dự án nhà máy xử lý đốt rác phát điện.	Thành phố Hồng Ngự, huyện Cao Lãnh,
3	Dự án đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục chất lượng nước mặt, không khí trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Các huyện, thành phố
XV	CÁC DỰ ÁN KHÁC PHỤC VỤ CHO MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH QUỐC PHÒNG CỦA TỈNH	

Ghi chú: Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực và thực tiễn phát triển tỉnh và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định hiện hành.

¹ Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

² Theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

³ Theo Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phát triển thương mại biên giới tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

(*) Các dự án, công trình khác căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương. Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XXVII
SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000